

DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHÁM SỨC KHỎE TOÀN DÂN

TT	Phường/xã/đặc khu	Dân số	Số người được KSK, KSL từ 1.1.2026 đến nay					Tỷ lệ
			Có HSSKĐT		Chưa có HSSKĐT		Cộng dồn	
			Trong tuần	KSK định kỳ	Khám sàng lọc	Ghi nhận dữ liệu		
1	Xã Thanh An	2950	17	2788	53	1	2842	96.3%
2	Phường Phước Thắng	43904	494	39453	894	368	40715	92.7%
3	Xã An Nhơn Tây	37251	136	26704	46	1245	27995	75.2%
4	Xã An Thới Đông	17471	686	11453	16	40	11509	65.9%
5	Xã Bà Điểm	101782	4437	53987	143	12197	66327	65.2%
6	Đặc khu Côn Đảo	9673	1742	6076	53	6	6135	63.4%
7	Xã Long Hải	99099	4943	60040	157	19	60216	60.8%
8	Xã Bình Giã	25381	2613	15110	244	40	15394	60.7%
9	Xã Long Sơn	16678	182	9911	116	1	10028	60.1%
10	Xã Xuân Sơn	24056	2243	14031	111	3	14145	58.8%
11	Xã Bình Khánh	30902	1579	17706	52	126	17884	57.9%
12	Phường Rach Dừa	69376	3056	38239	341	8	38588	55.6%
13	Xã Vĩnh Lộc	50366	1880	27379	349	17	27745	55.1%
14	Xã Xuân Thới Sơn	93560	3080	49990	105	794	50889	54.4%
15	Xã Nhuận Đức	38227	604	20226	10	9	20245	53.0%
16	Xã Phước Thành	14534	100	7666	27	4	7697	53.0%
17	Xã Châu Đức	24267	2881	12533	84	117	12734	52.5%
18	Phường Tân Tạo	97450	1830	46106	2506	1755	50367	51.7%
19	Xã Thái Mỹ	46813	2571	23698	222	12	23932	51.1%
20	Xã Nghĩa Thành	27744	946	13973	46	15	14034	50.6%
21	Xã Bình Chánh	52120	2282	25919	289	130	26338	50.5%
22	Xã Hiệp Phước	56438	2597	28250	85	138	28473	50.5%
23	Xã Hòa Hiệp	21469	948	10191	86	5	10282	47.9%
24	Phường Tân Mỹ	65869	316	30045	22	1450	31517	47.8%
25	Xã Tân Vĩnh Lộc	75777	9617	35782	266	73	36121	47.7%
26	Xã Hóc Môn	74686	900	35018	88	392	35498	47.5%

27	Xã Ngãi Giao	46061	286	19917	85	1751	21753	47.2%
28	Phường Tam Thắng	79435	1555	37158	209	80	37447	47.1%
29	Xã Bình Mỹ	75812	1342	35149	73	4	35226	46.5%
30	Phường Minh Phụng	64232	751	23741	95	4948	28784	44.8%
31	Phường Long Phước	32677	3035	9576	68	4980	14624	44.8%
32	Phường Tân Phước	27244	789	10641	42	1504	12187	44.7%
33	Xã Bình Châu	24241	436	10784	44	0	10828	44.7%
34	Xã Tân An Hội	73373	2398	32435	132	10	32577	44.4%
35	Xã Bắc Tân Uyên	29589	804	11690	76	1235	13001	43.9%
36	Phường Linh Xuân	138591	3026	60492	95	222	60809	43.9%
37	Xã Bàu Lâm	22677	320	9899	27	5	9931	43.8%
38	Xã Long Điền	45804	874	19768	219	0	19987	43.6%
39	Xã Kim Long	30233	1591	12689	171	323	13183	43.6%
40	Xã Phước Hải	41288	970	17138	149	6	17293	41.9%
41	Xã Châu Pha	24510	804	10129	55	1	10185	41.6%
42	Xã Đất Đỏ	42842	2799	17132	525	2	17659	41.2%
43	Phường Tân Thành	31949	1862	12925	97	3	13025	40.8%
44	Xã Phú Hòa Đông	92077	552	36780	171	103	37054	40.2%
45	Xã Đông Thanh	136793	2020	53658	88	325	54071	39.5%
46	Phường Bình Tân	118410	2250	43838	488	2048	46374	39.2%
47	Xã Hưng Long	48397	5646	17605	81	1003	18689	38.6%
48	Phường An Đông	46500	2541	17737	60	77	17874	38.4%
49	Xã Phú Giáo	38675	3166	14412	317	114	14843	38.4%
50	Xã Bàu Bàng	55941	1021	21016	90	70	21176	37.9%
51	Phường Bình Đông	102577	3924	38392	45	57	38494	37.5%
52	Phường Long Hương	31752	904	11444	211	3	11658	36.7%
53	Phường Tam Long	42130	4704	15009	372	40	15421	36.6%
54	Xã Xuyên Mộc	24057	2726	8612	91	8	8711	36.2%
55	Xã Trừ Văn Thố	30907	265	10883	128	2	11013	35.6%
56	Phường Bà Rịa	47274	1211	16153	379	48	16580	35.1%
57	Xã Tân Nhứt	57036	973	19664	162	64	19890	34.9%
58	Xã Minh Thanh	23557	182	7985	21	4	8010	34.0%
59	Xã Phước Hòa	43825	1289	14842	46	12	14900	34.0%
60	Phường Sài Gòn	22592	279	7549	46	81	7676	34.0%
61	Phường An Khánh	56040	2117	18760	63	158	18981	33.9%

62	Xã Hồ Tràm	46347	1367	15636	24	16	15676	33.8%
63	Phường Chợ Lớn	50479	1621	16853	40	84	16977	33.6%
64	Xã Củ Chi	118149	3493	39156	90	406	39652	33.6%
65	Xã An Long	16523	376	5464	75	1	5540	33.5%
66	Phường Long Trường	55260	1918	17610	122	669	18401	33.3%
67	Phường Bình Tây	47051	593	12983	391	1850	15224	32.4%
68	Phường Phú Lâm	59637	1408	18365	466	353	19184	32.2%
69	Phường Thuận Giao	156715	3866	31572	150	16941	48663	31.1%
70	Phường Tân Hải	28322	2378	8626	146	4	8776	31.0%
71	Phường Thủ Dầu Một	94845	1570	22256	283	6646	29185	30.8%
72	Phường Tăng Nhơn Phú	162402	4187	46362	302	3011	49675	30.6%
73	Xã Dầu Tiếng	35169	450	10647	76	18	10741	30.5%
74	Phường Bình Thới	52706	1138	14758	117	914	15789	30.0%
75	Phường Thủ Đức	110989	3208	27909	58	5138	33105	29.8%
76	Phường An Hội Đông	99264	4944	26139	62	2960	29161	29.4%
77	Phường Tân Đông Hiệp	119109	593	34915	29	28	34972	29.4%
78	Phường Vũng Tàu	123715	4564	35136	983	13	36132	29.2%
79	Phường Bình Tiên	63467	3062	17831	64	638	18533	29.2%
		8.267.369	8219	1.725.420	11.690	96.895	1.834.005	22.2%
80	Phường Diên Hồng	62310	1297	17199	102	786	18087	29.0%
81	Phường An Hội Tây	109373	3540	30802	72	873	31747	29.0%
82	Phường Bình Hưng Hòa	165174	5988	46559	249	1026	47834	29.0%
83	Phường Thông Tây Hội	108683	8056	29483	91	1280	30854	28.4%
84	Phường Dĩ An	239943	3988	67624	77	53	67754	28.2%
85	Phường Xóm Chiếu	51533	206	13381	110	877	14368	27.9%
86	Phường Tân Thuận	130246	1924	34043	69	2139	36251	27.8%
87	Phường Tân Thới Hiệp	135596	2835	35210	75	2203	37488	27.6%
88	Phường Bình Phú	65982	1746	16964	173	1062	18199	27.6%
89	Phường Phú Mỹ	105358	3763	28590	106	202	28898	27.4%
90	Phường Đức Nhuận	59639	1011	14543	80	1701	16324	27.4%

91	Phường Thới An	99588	1874	25529	50	1646	27225	27.3%
92	Phường Bến Cát	109252	3182	29382	345	61	29788	27.3%
93	Phường Chánh Hiệp	59277	347	15763	82	314	16159	27.3%
94	Phường Phú Nhuận	59318	1172	14455	90	1585	16130	27.2%
95	Phường Phú Thọ	43907	815	10833	62	940	11835	27.0%
96	Phường Bình Quới	35075	899	9256	103	73	9432	26.9%
97	Xã Nhà Bè	157475	10328	39738	248	2277	42263	26.8%
98	Phường Hòa Bình	42786	793	11081	65	331	11477	26.8%
99	Phường Thuận An	66467	819	17568	137	96	17801	26.8%
100	Phường Bình Thạnh	115208	1155	22293	126	8101	30520	26.5%
101	Xã Thanh An	22251	1566	5720	103	4	5827	26.2%
102	Phường Cát Lái	53736	1397	13314	425	179	13918	25.9%
103	Phường Bàn Cờ	62796	1022	9330	156	6746	16232	25.8%
104	Phường Gò Vấp	83822	3023	18999	73	2537	21609	25.8%
105	Phường Tân Phú	87112	1817	21257	38	930	22225	25.5%
106	Phường Hạnh Thông	91822	1939	20651	71	2289	23011	25.1%
107	Phường Vườn Lài	76417	1208	16898	55	1955	18908	24.7%
108	Phường Tam Bình	139041	2663	34104	171	30	34305	24.7%
109	Phường Xuân Hòa	39218	489	8363	38	1272	9673	24.7%
110	Xã Hòa Hội	32823	940	7923	147	2	8072	24.6%
111	Phường Phú Thọ Hòa	131391	1999	30564	92	1024	31680	24.1%
112	Phường Tân Định	39221	553	9327	29	37	9393	23.9%
113	Phường Cầu Kiêu	60789	556	12258	143	2138	14539	23.9%
114	Xã Long Hòa	20742	92	4278	259	187	4724	22.8%
115	Phường Bình Lợi Trung	97197	968	21976	69	75	22120	22.8%
116	Phường Bình Cơ	76369	1764	14714	315	2031	17060	22.3%
117	Phường Chánh Phú Hòa	67518	2635	14973	7	24	15004	22.2%
118	Phường Hòa Hưng	72117	1357	13115	141	2765	16021	22.2%
119	Phường Phú Định	122568	6877	26284	239	109	26632	21.7%
120	Phường Đông Hòa	144925	1881	31310	89	62	31461	21.7%
121	Phường Phú An	57265	1051	12171	156	37	12364	21.6%
122	Phường Phú Thuận	67186	2354	13662	27	771	14460	21.5%

123	Phường Tân Khánh	155620	1889	32728	199	483	33410	21.5%
124	Phường Hiệp Bình	165149	4170	31405	27	3700	35132	21.3%
125	Phường Tân Bình	80702	555	13112	58	3987	17157	21.3%
126	Phường An Lạc	152764	1876	30890	223	1265	32378	21.2%
127	Phường Trung Mỹ Tây	112917	2072	23337	142	406	23885	21.2%
128	Xã Bình Lợi	39634	1926	7934	134	236	8304	21.0%
129	Phường Khánh Hội	76083	1561	14428	173	1303	15904	20.9%
130	Phường An Phú Đông	110924	1244	21103	148	1884	23135	20.9%
131	Phường Thạnh Mỹ Tây	129700	6139	25726	162	1125	27013	20.8%
132	Phường Bảy Hiền	101729	1026	14899	126	6154	21179	20.8%
133	Phường Lái Thiêu	113836	492	23501	77	67	23645	20.8%
134	Phường Hòa Lợi	103816	4835	21090	38	381	21509	20.7%
135	Phường Phú Lợi	130247	3941	26520	114	222	26856	20.6%
136	Phường Tây Nam	75331	1246	15400	14	47	15461	20.5%
137	Phường An Phú	159107	1229	31644	28	953	32625	20.5%
138	Phường Tân Sơn Nhì	106319	3588	21465	185	116	21766	20.5%
139	Phường Long Bình	94023	616	18905	135	33	19073	20.3%
140	Phường Chợ Quán	51709	1275	10312	114	36	10462	20.2%
141	Phường Thới Hòa	86701	936	17405	65	53	17523	20.2%
142	Phường Phước Long	124660	3935	23577	159	1193	24929	20.0%
143	Phường Bình Trị Đông	172628	2336	33684	255	551	34490	20.0%
144	Xã Bình Hưng	113416	1587	20775	69	1664	22508	19.8%
145	Phường Chánh Hưng	165947	2070	32263	401	138	32802	19.8%
146	Phường Tân Sơn Nhất	59228	857	11578	71	0	11649	19.7%
147	Phường Tân Hiệp	164975	1473	29682	218	2214	32114	19.5%
148	Phường Phú Thạnh	99615	3758	18535	216	55	18806	18.9%
149	Phường Tân Sơn Hòa	53390	401	9345	96	593	10034	18.8%
150	Phường Tân Hưng	171629	1144	28092	351	3496	31939	18.6%
151	Phường Tân Uyên	81662	396	13470	139	1575	15184	18.6%
152	Phường Tân Hòa	65680	394	9402	175	2617	12194	18.6%
153	Phường Tây Thạnh	66482	1424	11693	323	96	12112	18.2%

154	Phường Bình Dương	119447	3084	19060	103	2397	21560	18.0%
155	Phường Tân Sơn	57601	3168	9911	53	235	10199	17.7%
156	Phường Long Nguyên	61575	829	10744	71	25	10840	17.6%
157	Phường Bình Trưng	100765	900	17372	234	51	17657	17.5%
158	Phường Bình Hòa	130159	3771	22309	114	34	22457	17.3%
159	Phường Cầu Ông Lãnh	70535	413	10581	147	1215	11943	16.9%
160	Phường Gia Định	118005	1420	19658	142	67	19867	16.8%
161	Phường An Nhơn	85914	927	12691	107	1460	14258	16.6%
162	Phường Đông Hưng Thuận	161345	6350	25264	122	942	26328	16.3%
163	Xã Cần Giở	22331	133	3403	164	51	3618	16.2%
164	Phường Vĩnh Hội	50326	854	7175	127	607	7909	15.7%
165	Phường Bến Thành	50178	271	7135	89	77	7301	14.6%
166	Phường Vĩnh Tân	77471	1435	10407	78	223	10708	13.8%
167	Phường Nhiêu Lộc	86206	310	11684	73	0	11757	13.6%
168	Xã Thường Tân	21372	129	2639	76	38	2753	12.9%